

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 175 /2025/HNGĐ-ST

Ngày: 29 – 9 – 2025

V/v: “Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thoan.

Ông Mai Văn Ngọc.

Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Như Ngọc - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa: Bà Cao Thị Minh Nguyệt – Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý 153/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 162/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025; Quyết định hoãn phiên tòa số: 254/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Huyền Hồng T, sinh năm 1993; số định danh cá nhân: 044193003598; địa chỉ: Thôn S, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ). Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Phạm Thế T1, sinh năm 1992; số định danh cá nhân: 044092010993; địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn C, phường Đ, tỉnh Quảng Trị (xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình cũ). Hiện đang cư trú tại Hàn Quốc không rõ địa chỉ. Vắng mặt tại phiên tòa lần hai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* *Theo đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn chị Ngô Huyền Hồng T trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Phạm Thế T1 tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn ngày 26/6/2013 tại UBND xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là Phường Đ, tỉnh Quảng Trị). Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc tại gia đình nhà

chồng. Năm 2016 vợ chồng bàn bạc làm thủ tục cho anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc. Thời gian đầu vợ chồng vẫn thường xuyên điện thoại, thăm hỏi, động viên nhau. Đến đầu năm 2014 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn dẫn đến hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, anh Trọng ít liên lạc về cho gia đình, không quan tâm đến vợ con. Hai bên gia đình nội ngoại có khuyên bảo nhưng không hàn gắn được. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện chị Ngô Huyền Hồng T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thế T1.

Về quan hệ con chung: Vợ chồng anh chị có 02 con chung là Phạm Huy P, sinh ngày 04/01/2014 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 13/7/2016 hiện đang sống cùng với mẹ là chị Ngô Huyền Hồng T. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi cháu Phạm Bảo Y và giao cháu Phạm Huy P cho anh Phạm Thế T1 nuôi dưỡng. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Quá trình chung sống giữa chị T và anh T1 không có tài sản chung, nợ chung, nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Đối với bị đơn anh Phạm Thế T1:* Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân tỉnh Quảng Trị đã thực hiện việc gửi, tổng đạt văn bản tố tụng của Tòa án thông qua người thân và niêm yết công khai văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng trước khi xuất cảnh của bị đơn anh Phạm Thế T1 đồng thời gửi công văn cho Ban Đối ngoại (VOV5) đề nghị thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài đối với anh T1. Ban Đối ngoại (VOV5) đã thông báo trên hệ phát thanh kênh thông tin dành cho người nước ngoài các nội dung liên quan đến việc giải quyết vụ án ly hôn giữa chị Ngô Huyền Hồng T và anh Phạm Thế T1 trong 03 lần vào các ngày 15, 16, 17/8/2025.

** Tại đơn trình bày nguyện vọng của cháu Phạm Huy P và cháu Phạm Bảo Y đều trình bày:* Cháu P, cháu Y được biết mẹ T đã gửi đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bố Phạm Thế T1, Nếu bố mẹ hai cháu ly hôn, không chung sống với nhau nữa thì cháu H P xin được ở với bố T1, cháu B Y xin được ở với mẹ T.

** Tại Biên bản lấy lời khai ngày 28/8/2025 của ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị X (là bố mẹ của anh Phạm Thế T1) trình bày:* Ông bà là bố mẹ ruột của anh T1, vợ chồng chị T và anh T1 kết hôn vào năm 2013, hiện nay anh T1 đang đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, địa chỉ cụ thể ở đâu thì ông bà không rõ. Anh T1 cũng thường xuyên liên lạc về cho gia đình và cũng có biết việc chị T làm đơn ly hôn nộp tại Tòa án. Về nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng bà không rõ chỉ biết vợ chồng đã ly thân được nhiều năm nay. Vợ chồng có 02 con chung là Phạm Huy P, sinh ngày 04/01/2014 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 13/7/2016 hiện đang ở với mẹ là chị T. Sau khi ly hôn để bớt gánh nặng cho chị T gia đình mong muốn giao 1 con cho anh T1 nuôi dưỡng đó là cháu Huy P, ông bà sẽ có trách nhiệm nuôi dưỡng

cháu trong thời gian anh T1 ở nước ngoài, khi nào anh về nước ông bà sẽ có trách nhiệm giao lại cho anh. Vì hiện nay anh T1 đang ở nước ngoài nên ông bà đề nghị các văn bản của Tòa án gửi về cho ông bà theo địa chỉ phường Đ, tỉnh Quảng Trị, ông bà sẽ có trách nhiệm thông tin lại cho anh T1 biết.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị về việc giải quyết vụ án:

* Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ, các đương sự tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật, đảm bảo quyền lợi nghĩa vụ của họ.

* Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37; khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 469, 474, điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn xử cho chị Ngô Huyền Hồng T được ly hôn anh Phạm Thế T1.

- *Về quan hệ con chung:* Giao cháu Phạm Huy P, sinh ngày 04/01/2014 cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Bảo Y, sinh ngày 13/7/2016 cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Không ai phải có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung.

- *Về quan hệ tài sản chung và nợ chung:* Vợ chồng anh chị không có tài sản chung, không nợ chung nên không xem xét.

- *Án phí:* Áp dụng Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự buộc chị Ngô Huyền Hồng T chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Ngô Huyền Hồng T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Phạm Thế T1 hiện đang làm ăn, sinh sống tại Hàn Quốc. Theo Công văn số: 1768/CV-QLXNC, ngày 24/6/2025 của Phòng Q, Công an tỉnh Q (nay là Công an tỉnh Q) thì anh Phạm Thế T1 đã xuất cảnh ngày 08/10/2019 qua S, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Qua xác minh tại thân nhân bị đơn ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị X (là bố mẹ của anh Phạm Thế T1) thì tại thời điểm thụ lý đơn khởi kiện của chị T, anh T1 đang ở nước ngoài. Vụ án được thụ lý trước ngày 01/7/2025, nên Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị thụ lý

giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và tại các Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[1.2] Do không xác định được địa chỉ cụ thể của bị đơn anh Phạm Thế T1 ở nước ngoài. Tòa án đã thực hiện niêm yết các văn bản tố tụng tại nơi cư trú cuối cùng của anh T1 trước khi xuất cảnh; tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho gia đình bị đơn và bố mẹ anh T1 cũng cam kết sẽ thông báo với anh T1 về các văn bản tố tụng. Tòa án tiến hành đăng thông tin thông báo cho anh T1 trên Hệ thống phát thanh đối ngoại VOV5 đài tiếng nói Việt Nam nhằm thông báo cho bị đơn biết việc nguyên đơn có yêu cầu ly hôn theo quy định tại Điều 474, Điều 475 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng không có kết quả phản hồi của anh T1.

[1.3] Tòa án đã tiến hành các thủ tục cần thiết, ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử và triệu tập hợp lệ đến tham gia tại phiên tòa đối với các đương sự nhưng anh Phạm Thế T1 đều vắng mặt; tại phiên tòa chị T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227; Điều 228; điểm b khoản 5 Điều 477 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Ngô Huyền Hồng T và anh Phạm Thế T1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình (nay là Phường Đ, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 26/6/2013. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị Ngô Huyền Hồng T và Phạm Thế T1 là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống cùng nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Tuy nhiên, sau khi vợ chồng bàn bạc cho anh T1 đi xuất khẩu lao động tại Hàn Quốc, do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không có tiếng nói chung nên thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã nhau, anh T1 không quan tâm, gọi điện về cho gia đình. Vì vậy, vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Hiện tại, chị T thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đã sống ly thân, tình cảm không còn, không trở lại sống chung cùng nhau được. Vì vậy, chị T kiên quyết xin ly hôn anh Phạm Thế T1; còn anh Phạm Thế T1 đã được gia đình thông báo cho biết việc chị T xin ly hôn anh tại Tòa án và được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đ VOV5 và niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương nơi cư trú của anh T1 trước khi xuất cảnh và tại trụ sở Tòa án, nhưng anh Phạm Thế T1 đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Ngô Huyền H1 Thẩm xin được ly hôn anh

Phạm Thế T1 là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Ngô Huyền Hồng T và anh Phạm Thế T1 có hai con chung là Phạm Huy P, sinh ngày 04/01/2014 và Phạm Bảo Y, sinh ngày 13/7/2016 hiện sống cùng chị T. Sau khi ly hôn, chị T có nguyện vọng xin được nuôi cháu Phạm Bảo Y, cháu Huy P giao cho anh T1 nuôi dưỡng. Theo như trình bày của ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị X (là bố mẹ của anh Phạm Thế T1) thì anh T1 cũng mong muốn nuôi dưỡng cháu Phạm Huy P. Để đảm bảo cho việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung của anh chị được đảm bảo cả vật chất, tinh thần, sự phát triển toàn diện của các cháu; cũng như nguyện vọng của cháu Huy P trình bày xin được ở với bố T1, nguyện vọng của cháu B Y xin được ở với mẹ T sau khi bố mẹ ly hôn. Nên căn cứ Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Bảo Y cho chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Huy P cho anh T1 chăm sóc, nuôi dưỡng. Do anh T1 hiện nay chưa về Việt Nam nên tạm giao cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị X (là bố mẹ của anh Phạm Thế T1) có trách nhiệm nuôi dưỡng cháu Phạm Huy P, khi nào anh T1 về Việt Nam thì ông V, bà X có nghĩa vụ giao cháu Huy P cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu. Không ai phải đóng góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[2.3] Về chia tài sản chung, nợ chung: Chị Ngô Huyền Hồng T không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí, chi phí tố tụng trong vụ án: Chị Ngô Huyền Hồng T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài VOV5 theo quy định.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không phải chịu nộp.

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Huyền Hồng T và anh Phạm Thế T1 có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 3 điều 35; điểm b khoản 1 Điều 37; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 153; Điều 227; Điều 228; Điều 238; Điều 464; Điều 469; Điều 474; Điều 475; điểm b, c khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBNTVQH ngày 30/12/2016

của Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án. Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Ngô Huyền Hồng T được ly hôn anh Phạm Thế T1.

2. Về quan hệ nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung: Giao con chung của vợ chồng là cháu Phạm Bảo Y, sinh ngày 13/7/2016 cho chị Ngô Huyền Hồng T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Phạm Huy P, sinh ngày 04/01/2014 cho anh T1 trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Tạm giao cháu Huy P cho ông Phạm Quang V và bà Nguyễn Thị X nuôi dưỡng và có nghĩa vụ giao lại cháu Phạm Huy P cho anh Phạm Thế T1 khi anh T1 về Việt Nam sinh sống. Cũng phù hợp với nguyện vọng của Huy P xin được ở với bố; cháu Bảo Y xin được ở với mẹ sau khi bố mẹ ly hôn. Không ai phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được cản trở người không trực tiếp nuôi con thực hiện quyền thăm nom và chăm sóc con chung. Trong trường hợp vì quyền lợi chính đáng của con chưa thành niên, các đương sự đều có quyền làm đơn yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung và thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không xem xét.

4. Về án phí, chi phí tố tụng trong vụ án: Chị Ngô Huyền Hồng T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0005451 ngày 06/6/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị T phải chịu chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài VOV5 số tiền 2.250.000 đồng. Chị T đã nộp đủ tiền án phí, chi phí tố tụng trong vụ án.

- Án phí cấp dưỡng nuôi con chung: Các bên không phải chịu nộp.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Ngô Huyền Hồng T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định. Anh Phạm Thế T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- UBND P. Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- Lưu: hồ sơ, án văn.

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Tuyết Minh

